TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lĩnh.

2/ Ông Nguyễn Văn Bạch.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 520/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến N, sinh năm 1994 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn D, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Yến N trình bày:*

Tôi và Đặng Văn D do mai mối nên quen biết nhau rồi kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 12/8/2016. Sau thời gian sống chung thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn vào năm 2018, chồng tôi không lo làm ăn phụ giúp gia đình mà thường xuyên cờ bạc đá gà, đánh bài gây nợ tôi phải bán vàng trả nợ cho anh D. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh D chửi bới tôi, cuộc sống không hạnh phúc, chúng tôi có hòa giải nhiều lần

nhưng không thể hàn gắn được, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Tôi nhiều lần cho anh D cơ hội để sửa đổi, tôi đã nộp đơn ly hôn nhưng rút lại đơn để anh D sửa đổi nhưng anh D vẫn không thay đổi. Gia đình hai bên cũng có tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn D.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Đặng Lê Duy K, sinh ngày 27/9/2018 và Đặng Lê Duy M, sinh ngày 30/5/2020, ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Lê Duy M, sinh ngày 30/5/2020 do từ lúc ly thân đến nay cháu Duy M do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Lê Duy K, sinh ngày 27/9/2018 vì từ trước đến nay cháu Kdo anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đặng Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị N .

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Nyêu cầu được ly hôn với anh D và yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con chung. Chị N , anh D có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh D có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị N , anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 12/8/2016 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Ntrình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân do anh D không lo làm ăn phụ giúp gia đình mà thường xuyên cờ bạc đá gà, đánh bài gây nợ chị phải trả nợ cho anh D. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh D chửi bới chị, cuộc sống không hạnh phúc, gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Chị N cũng nhiều lần cho anh D cơ hội sửa đổi nhưng không có kết quả, chị N

đã nộp đơn ly hôn nhưng rút lại đơn để anh D sửa đổi nhưng anh D vẫn không thay đổi. Từ tháng 11/2021 đến nay chị và anh D sống ly thân nhau.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mong muốn được ly hôn với anh D. Anh D mặc dù đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chị N và anh D đã ly thân từ thàng 11/2021 đến nay và từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay anh chị cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị N và anh D đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Nlà có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nvà anh D có hai người con chung là cháu Đặng Lê Duy K, sinh ngày 27/9/2018 và Đặng Lê Duy M, sinh ngày 30/5/2020. Xét thấy, từ lúc chị N và anh D sống ly thân đến nay cháu Đặng Lê Duy K do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đặng Lê Duy M sống cùng với chị N nên giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nhằm ổn định môi trường sống của cháu K và cháu M. Chị N và anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Yến N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Yến N được ly hôn với anh Đặng Văn D.

Về con chung: Giao cháu Đặng Lê Duy K, sinh ngày 27/9/2018 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Đặng Lê Duy M, sinh ngày 30/5/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D và chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

Anh D và chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0016654 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị N đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Yến N, anh Đặng Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang